

QCVN 97:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

PHẦN 1: HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM SINH HỌC

National technical regulation on Environmental treatment products in aquaculture

Part 1: Chemical, biological products

Lời nói đầu

QCVN 97:2025/BNNMT thay thế QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT

QCVN 97:2025/BNNMT do Cục Thủy sản và Kiểm ngư biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

PHẦN 1: HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM SINH HỌC

National technical regulation on environmental treatment products in aquaculture

Part 1: Chemical, biological products

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn tối đa cho phép chi tiêu an toàn và các yêu cầu quản lý đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Mã HS áp dụng theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, nhập khẩu, đánh giá sự phù hợp hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

TCVN 6496:2009 (ISO 11047:1998), *Chất lượng đất - Xác định Crom, Cadimi, Coban, Đồng, Chì, Mangan, Niken, Kẽm trong dịch chiết đất bằng cường thủy. Các phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa và không ngọn lửa.*

TCVN 7924 - 2:2008 (ISO 16649-2:2001), *Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi - Phương pháp định lượng Escherichia coli dương tính beta- glucuronidaza. Phần 2: kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl beta-D-glucuronid.*

TCVN 8467:2010 (ISO 20280:2007), *Chất lượng đất - Xác định Asen, Antimon và Selen trong dịch chiết đất cường thủy bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử theo kỹ thuật nhiệt điện hoặc tạo hydrua.*

TCVN 8900-7:2012, *Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 7: Định lượng Antimon, Bari, Cadimi, Crom, Đồng, Chì và Kẽm bằng đo phổ phát xạ nguyên tử Plasma cảm ứng cao tần (ICP- AES).*

TCVN 8900-9:2012, *Phụ gia thực phẩm - Xác định các thành phần vô cơ - Phần 9: Định lượng Asen và antimon bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử hydrua hóa.*

TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017), *Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Phương pháp phát hiện, định lượng và xác định typ huyết thanh của Salmonella - Phần 1: Phát hiện Salmonella spp..*

TCVN 13053:2021, *Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Lấy mẫu.*

1.4. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, một số thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1. *Chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản* gồm: chế phẩm enzyme; chế phẩm vi sinh vật; chế phẩm chiết xuất từ sinh vật; chế phẩm hỗn hợp

1.4.1.1. *Chế phẩm enzyme*: là chế phẩm sinh học có chứa một hoặc nhiều loại enzyme, có hoặc không có chất mang.

1.4.1.2. *Chế phẩm vi sinh vật*: là chế phẩm sinh học có chứa một hoặc nhiều loài vi sinh vật sống có ích, an toàn với sức khỏe động vật thủy sản, có hoặc không có chất mang.

1.4.1.3. *Chế phẩm chiết xuất từ sinh vật*: là chế phẩm sinh học chứa thành phần, hoạt chất có lợi được chiết xuất từ sinh vật, an toàn với sức khỏe động vật thủy sản, có hoặc không có chất mang.

1.4.1.4. *Chế phẩm hỗn hợp*: là chế phẩm sinh học có thành phần là hỗn hợp các loại chế phẩm khác nhau (enzyme; vi sinh vật sống hoặc bất hoạt; thành phần, hoạt chất từ sinh vật), an toàn với sức khỏe động vật thủy sản, có hoặc không có chất mang.

1.4.2. *Hóa chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản*: là đơn chất, hợp chất, hỗn hợp chất được khai thác hoặc tạo ra từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo để điều chỉnh tính chất vật lý, hóa học, sinh học của môi trường theo hướng có lợi cho nuôi trồng thủy sản.

2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

2.1. Hóa chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản tạo ra từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo.

Bảng 1: Giới hạn tối đa cho phép của các chỉ tiêu an toàn

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	Asen (As)	mg/kg (hoặc mg/l)	5
2	Chì (Pb)	mg/kg (hoặc mg/l)	30

2.2. Hóa chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản khai thác từ tự nhiên.

Bảng 2: Giới hạn tối đa cho phép của các chỉ tiêu an toàn

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	Asen (As)	mg/kg (hoặc mg/l)	15
2	Chì (Pb)	mg/kg (hoặc mg/l)	70

2.3. Chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Bảng 3: Giới hạn tối đa cho phép của các chỉ tiêu an toàn

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép
1	<i>Salmonella</i> spp.	-	Không phát hiện trong 25g hoặc 25ml
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g (hoặc CFU/ml)	1×10^3

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1. Lấy mẫu

Lấy mẫu theo TCVN 13053:2021.

3.2. Phương pháp thử

Xác định hàm lượng Asen (As) quy định tại Bảng 1 Quy chuẩn này theo TCVN 8900-9:2012 hoặc TCVN 8467:2010 (ISO 20280:2007).

Xác định hàm lượng Asen (As) quy định tại Bảng 2 Quy chuẩn này theo TCVN 8467:2010 (ISO 20280:2007).

Xác định hàm lượng Chì (Pb) quy định tại Bảng 1 Quy chuẩn này theo TCVN 8900-7:2012.

Xác định hàm lượng Chì (Pb) quy định tại Bảng 2 Quy chuẩn này theo TCVN 6496:2009.

Xác định *Salmonella* spp. theo TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017).

Xác định *Escherichia coli* theo TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649 -2:2001).

Ngoài các phương pháp thử quy định tại Quy chuẩn này, chấp thuận các phương pháp thử nghiệm khác được chỉ định theo quy định của pháp luật.

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Công bố hợp quy

4.1.1. Biện pháp công bố hợp quy

4.1.1.1. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước: kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.1.1.2. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

4.1.2. Trình tự công bố hợp quy

4.1.2.1. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước: trình tự công bố hợp quy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 và hồ sơ công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN).

Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

4.1.2.2. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: thực hiện theo quy định tại khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP).

4.2. Đánh giá sự phù hợp

4.2.1. Phương thức đánh giá sự phù hợp

4.2.1.1. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sản xuất trong nước: thực hiện theo phương thức 5 (thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) tại Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Khi đánh giá sự phù hợp, Tổ chức chứng nhận không thực hiện đánh giá quá trình sản xuất mà sử dụng kết quả kiểm tra điều kiện sản xuất do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 và khoản 12 Điều 2 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).

4.2.1.2. Đối với hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: thực hiện theo phương thức 7 (thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa) tại Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4.2.2. Nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp

Nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tổ chức, cá nhân quy định tại Mục 1.2 Quy chuẩn này có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo quy định của pháp luật.

6.2. Cục Thủy sản và Kiểm ngư phổ biến, hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.3. Tổ chức chứng nhận sự phù hợp với Quy chuẩn này thực hiện báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Thủy sản và Kiểm ngư) theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu không đảm bảo điều kiện sản xuất, nhập khẩu, tổ chức chứng nhận sự phù hợp thông tin, phản ánh cho Cục Thủy sản và Kiểm ngư và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.4. Trường hợp các quy định hoặc các tài liệu viện dẫn tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới.